

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/DS-PT

Ngày: 12/3/2025

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Lạc

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H; địa chỉ: Số B B, N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty Cổ phần D; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1/ Ông Huỳnh Liêm E - Sinh năm 1990, Chuyên viên Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 20/02/2025 - Có mặt).

2/ Bà Đào Thị N - Sinh năm 1993, Chuyên viên Quan hệ khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 20/02/2025 - Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị N1 - Sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Duy K - Sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 13/11/2024 - Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Văn H - Sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Hoàng O - Sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị N1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Công ty Cổ phần D trình bày:*

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (gọi tắt là H1) đã cho bà Đoàn Thị N1 vay tiền, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn vay theo khế ước nhận nợ số 39611/21MN/HĐTD/KUNN 03 là 12 tháng từ ngày 08/9/2023 đến ngày 09/9/2024, lãi trong hạn 12%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%, mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi trồng trọt; số tiền vay 2.999.900.000đ, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay theo khế ước nhận nợ số 39611/21MN/HĐTD/KUNN 03 (trước đó bà N1 đã vay theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 39611/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 15/9/2021 và số 39611/21MN/HĐTD/KUNN02 ngày 06/9/2022 nhưng đã trả xong);

2. Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, thời hạn vay 08 tháng từ ngày 13/7/2023 đến ngày 13/3/2024, lãi trong hạn 13%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán gà, số tiền vay 400.000.000đ, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay theo khế ước nhận nợ số 17029/23MN/HĐTD/KUNN 01;

3. Thẻ tín dụng số 498767*****6439, ngày giải ngân 26/10/2021, ngày đến hạn 26/10/2024; lãi suất vay 30%/năm, số tiền vay 100.000.000đ.

4. Thẻ tín dụng số 416259*****7191; ngày giải ngân 20/9/2022; ngày đến hạn 20/9/2028; lãi suất vay 27%; số tiền vay 100.000.000đ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 24867/21MN/HĐBĐ ngày 14/9/2021 tại Văn phòng C, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/9/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 24867/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 07/7/2023, gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích 418m², loại đất ở + cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; tài sản gắn liền với đất loại nhà ở riêng lẻ, diện tích sàn 89,6m², diện tích xây dựng 56,9m², hình thức sở hữu: sở hữu riêng, cấp hạng 4.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.909,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long;

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 584, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà Đoàn Thị N1 nhưng bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên.

Ngày 31/01/2024, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có đơn khởi kiện đối với bà Đoàn Thị N1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/3/2024, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có Hợp đồng mua bán nợ số 172.03/2024/HĐMBN/HDB-HNV cho bên mua nợ Công ty Cổ phần D, nội dung bán số nợ của bà Đoàn Thị N1 theo Hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 26/10/2021 và 20/9/2022. Biện pháp bảo đảm của khoản nợ là quyền sử dụng đất thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; quyền sử dụng đất thửa đất số 121, tờ bản đồ số 15, tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; quyền sử dụng đất thửa đất số 584, tờ bản đồ số 15, tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Khi bán nợ, Ngân

hàng TMCP Phát triển Thành phố H có thông báo bằng văn bản cho bà Đoàn Thị N1 biết. Do đó, Công ty Cổ phần D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Công ty Cổ phần D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H là yêu cầu bà Đoàn Thị N1 phải trả cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H) tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến tính đến 23/9/2024 như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, tổng số tiền nợ gốc, lãi là 3.423.254.683đ (trong đó dư nợ gốc 2.999.900.000đ, lãi trong hạn 382.253.011đ, lãi quá hạn 22.610.205đ, lãi chậm trả lãi 18.491.467đ); theo Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, tổng số tiền nợ gốc, lãi là 466.977.101đ (trong đó dư nợ gốc là 400.000.000đ, lãi trong hạn là 22.724.384đ; lãi quá hạn là 42.733.151đ, lãi chậm trả lãi là 1.519.566đ); Thẻ tín dụng số 498767*****6439, ngày giải ngân 26/10/2021, tổng số tiền nợ gốc, lãi là 131.317.799đ (trong đó dư nợ gốc thẻ là 84.214.416đ, lãi trong hạn là 29.440.756đ, lãi quá hạn là 16.259.150đ, lãi chậm trả lãi là 1.403.477đ); Thẻ tín dụng số 416259*****7191, ngày giải ngân 20/9/2022, tổng số tiền nợ gốc, lãi là 123.519.264đ (dư nợ gốc thẻ là 61.255.228đ; lãi trong hạn là 46.888.308đ, lãi quá hạn là 13.140.505đ, lãi chậm trả lãi là 2.235.223đ). Đồng thời, bà N1 phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả xong nợ và chịu toàn bộ chi phí tổ tụng, án phí.

Trường hợp bà Đoàn Thị N1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ vay nêu trên thì Công ty Cổ phần D yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích 437,4m², loại đất ở + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.909,3m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 584, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m², loại đất ở nông thôn, cùng tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Công ty Cổ phần D đồng ý cho bà N1 thời hạn 03 tháng tính từ ngày 24/9/2024 đến 24/12/2024 để thanh toán xong nợ, sau thời gian này thì Công ty có quyền yêu cầu thi hành án.

** Tại Bản khai ý kiến ngày 17/5/2024 và Biên bản hòa giải ngày 20/5/2024, bà Đoàn Thị N1 trình bày:*

Bà thừa nhận có vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H2) theo hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, Thẻ tín dụng số 498767*****6439, ngày giải ngân 26/10/2021, Thẻ tín dụng số 416259*****7191, ngày giải ngân 20/9/2022; tổng số tiền là 3.600.000.000đ (trong đó có 200.000.000đ vay bằng mở thẻ). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 121 tờ bản đồ số 15 diện tích 1.909,3m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa 584, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m², loại đất ở tại nông thôn và thửa 17, tờ bản đồ số 19, diện tích 437,4m², cùng tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Bà N1 đồng ý trả nợ cho H1 nhưng yêu cầu được đưa ra ý kiến thương lượng với H1 là yêu cầu được chia ra 2 phần để trả; đối với thửa đất 121 và thửa đất 584, bà N1 yêu cầu H1 chấp thuận cho bà được tìm người bán để trả số tiền 1.400.000.000đ và xin thời gian 18 tháng tính từ ngày 08/9/2024; đối với thửa đất số 17, yêu cầu H1 chấp thuận cho bà xin thời gian 18 tháng, tính từ ngày 08/9/2024. Trường hợp trong 18 tháng mà bà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ vay nêu trên thì H1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2024, ông Phạm Văn H trình bày:*

Ông xác định các thửa số 584, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cùng các tài sản trên đất; thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích 418m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm cùng các tài sản trên đất, tọa lạc ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.909,3m², loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do bà N1 đứng tên là tài sản riêng của bà N1. Khi ly hôn, ông đã giao hết cho bà N1 nên không tranh chấp gì. Ông có biết việc bà N1 thế chấp các thửa đất nêu trên và tài sản trên đất để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, ông cũng không có ý kiến gì. Trường hợp bà N1 không trả hoặc trả không đầy đủ tiền nợ vay cho H1 thì ông đồng ý phát mãi các tài sản thế chấp là thửa đất số 584, thửa 17, thửa 121 cùng tất cả các tài sản trên đất để trả nợ vay cho H1. Ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông cam kết không khiếu nại gì.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2024, bà Phạm Thị Hoàng O trình bày:*

Bà là con ruột của bà Đoàn Thị N1 và ông Phạm Văn H. Bà đang ở tại căn nhà gắn với thửa đất số 17, tọa lạc ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do bà N1 đứng tên; bà chỉ ở nhờ. Việc bà N1 vay tiền và thế chấp thửa đất nêu trên thì bà không có ý kiến. Trường hợp có phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để trả nợ thì bà cũng không có ý kiến. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 91, 147, 157, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 365, 463, 466, 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, 3 Điều 188 Luật đất đai 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi, Điều 12, 14, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (do Công ty Cổ phần D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

1. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H) theo Hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 39611/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 08/9/2023 tính đến ngày 23/9/2024 với tổng số tiền là 3.423.254.683 đồng (ba tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng) (trong đó dư nợ gốc 2.999.900.000 đồng, lãi trong hạn 382.253.011 đồng, lãi quá hạn 22.610.205 đồng, lãi chậm trả lãi 18.491.467 đồng), buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H) theo Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 17029/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 13/7/2023 tính đến ngày 23/9/2024 với tổng số tiền là 466.977.101 đồng (bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm lẻ một đồng) (trong đó dư nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn: 22.724.384 đồng; lãi quá hạn: 42.733.151 đồng, lãi chậm trả lãi 1.519.566 đồng), buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh

đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/10/2021 tính đến ngày 23/9/2024 với tổng số tiền là 131.317.799 đồng (một trăm ba mươi một triệu, ba trăm mười bảy nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng) (trong đó dư nợ gốc thẻ 84.214.416 đồng, lãi trong hạn 29.440.756 đồng, lãi quá hạn 16.259.150 đồng, lãi chậm trả lãi 1.403.477 đồng), buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/9/2022 tính đến ngày 23/9/2024 với tổng số tiền 123.519.264 đồng (một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm mười chín nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng) (dư nợ gốc thẻ 61.255.228 đồng; lãi trong hạn 46.888.308 đồng, lãi quá hạn 13.140.505 đồng, lãi chậm trả lãi 2.235.223 đồng), buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần D cho bà Đoàn Thị N1 thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 24/9/2024 cho đến ngày 24/12/2024.

6. Trường hợp sau thời gian 03 tháng (tính từ ngày 24/9/2024 cho đến ngày 24/12/2024), bà Đoàn Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần D thì Công ty Cổ phần D được quyền yêu cầu thi hành án và yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích 418m², loại đất ở + cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, tài sản gắn liền với đất loại nhà ở riêng lẻ, diện tích sàn 89,6m², diện tích xây dựng 56,9m², hình thức sở hữu riêng, cấp hạng 4; Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.909,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Thửa đất số 584, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 24867/21MN/HĐBĐ ngày 14/9/2021 tại Văn phòng C, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/9/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 24867/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 07/7/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 08/10/2024, bị đơn Đoàn Thị N1 kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý trả toàn bộ phần lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý hoàn trả nợ gốc cho nguyên đơn; yêu cầu Ngân hàng hỗ trợ về thời gian bán tài sản thế chấp là 12 tháng; không đồng ý việc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H bán phần nợ cho Công ty cổ phần D.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn Đoàn Thị N1 xác định bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo và không cung cấp chứng cứ. Lý do kháng cáo: Bà N1 cho rằng do hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn và cán bộ Ngân hàng có nói sẽ giảm lãi.

Những người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, thống nhất với Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị N1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đoàn Thị N1 do bà Đoàn Thị N1 thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Hoàng O có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị N1 về việc xem xét cho bà không phải trả lãi cho nguyên đơn, xét thấy:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Công ty Cổ phần D) và bà Đoàn Thị N1 cùng xác nhận bà N1 có vay tiền của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và còn nợ tiền theo Hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, Thẻ tín dụng số 498767*****6439 và Thẻ tín dụng số 416259*****7191. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích 418m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền với đất loại nhà ở riêng lẻ, diện tích sàn 89,6m², diện tích xây dựng 56,9m², hình thức sở hữu: sở hữu riêng, cấp hạng 4; quyền sử dụng đất thửa đất số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.909,3m², loại đất trồng cây lâu năm và quyền sử dụng đất thửa đất số 584, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m², loại đất ở nông thôn; các thửa đất tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bà N1 thừa nhận các khoản nợ gốc và lãi mà bà còn nợ Ngân hàng đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Cụ thể, tính đến ngày 23/9/2024, bà N1 còn nợ:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 39611/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 08/9/2023, bà N1 còn nợ: 3.423.254.683đ (trong đó dư nợ gốc 2.999.900.000đ, lãi trong hạn 382.253.011đ, lãi quá hạn 22.610.205đ, lãi chậm trả lãi 18.491.467đ) và lãi phát sinh tính từ ngày 24/9/2024 đối với số nợ gốc chưa thanh toán.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 17029/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 13/7/2023, bà N1 còn nợ: 466.977.101đ (trong đó dư nợ gốc 400.000.000đ, lãi trong hạn: 22.724.384đ; lãi quá hạn: 42.733.151đ, lãi chậm trả lãi 1.519.566đ) và lãi phát sinh tính từ ngày 24/9/2024 đối với số nợ gốc chưa thanh toán.

- Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/10/2021, bà N1 còn nợ: 131.317.799đ (trong đó dư nợ gốc thẻ 84.214.416đ, lãi trong hạn 29.440.756đ, lãi quá hạn 16.259.150đ, lãi chậm trả lãi 1.403.477đ) và lãi phát sinh tính từ ngày 24/9/2024 đối với số nợ gốc chưa thanh toán.

- Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/9/2022, bà N1 còn nợ: 123.519.264đ (dư nợ gốc thẻ 61.255.228đ; lãi trong hạn 46.888.308đ, lãi quá hạn 13.140.505đ, lãi chậm trả lãi 2.235.223đ) và lãi phát sinh tính từ ngày 24/9/2024 đối với số nợ gốc chưa thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H mà không phải trả lãi nhưng yêu cầu này của bà N1 không được người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng chấp nhận. Xét thấy, Bản án sơ thẩm buộc bà N1 trả nợ gốc và lãi cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là đúng nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng mà bà N1 đã thỏa thuận, ký kết với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H về nghĩa vụ trả nợ, phù hợp với Hợp đồng mua bán nợ giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và Công ty Cổ phần D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 102 và Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 không chấp nhận kháng cáo nêu trên của bà N1.

[3] Đối với kháng cáo của bà Đoàn Thị N1 về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H hỗ trợ cho bà về thời gian bán tài sản thế chấp là 12 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm, xét thấy, nội dung kháng cáo này của bà Đoàn Thị N1 cũng không được người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng ý nên không được chấp nhận.

[4] Về việc bà Đoàn Thị N1 không đồng ý việc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H bán phần nợ của bà cho Công ty Cổ phần D, xét thấy:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã bán phần nợ của bà Đoàn Thị N1 cho Công ty Cổ phần D vào ngày 29/3/2024 theo Hợp đồng mua bán nợ số 172.03/2024/HĐMBN/HDB-HNV nên quyền yêu cầu thanh toán nợ đã được chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H sang Công ty Cổ phần D. Việc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H bán phần nợ này cho Công ty Cổ phần D mà không có sự đồng ý của bà Đoàn Thị N1 là đúng quy định tại Điều 365 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và đúng với sự thỏa thuận của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và bà Đoàn Thị N1. Do đó, kháng cáo của bà N1 về việc không đồng ý việc mua bán nợ này là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị N1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về án phí:

Do không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị N1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên bà N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà N1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên bà N1 được miễn nộp toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị N1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 91, 147, 148, 157, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 365, 463, 466 và 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 102 và Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 1, 3 Điều 188 của Luật Đất đai 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi, Điều 12, 14, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (do Công ty Cổ phần D kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng).

1.1. Buộc bà Đoàn Thị N1 có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H) theo Hợp đồng tín dụng số 39611/21MN/HĐTD ngày 14/9/2021, Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 39611/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 08/9/2023 tính đến ngày 23/9/2024, với tổng số tiền là 3.423.254.683đ (*Ba tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*); trong đó dư nợ gốc là 2.999.900.000đ, lãi trong hạn là 382.253.011đ, lãi quá hạn là 22.610.205đ và lãi chậm trả lãi là 18.491.467đ. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.2. Buộc bà Đoàn Thị N1 có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H) theo Hợp đồng tín dụng số 17029/23MN/HĐTD ngày 07/7/2023, Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 17029/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 13/7/2023 tính đến ngày 23/9/2024, với tổng số tiền là 466.977.101đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm lẻ một đồng*); trong đó dư nợ gốc là 400.000.000đ, lãi trong hạn là 22.724.384đ, lãi quá hạn là 42.733.151đ và lãi chậm trả lãi là 1.519.566 đ. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.3. Buộc bà Đoàn Thị N1 có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/10/2021 tính đến ngày 23/9/2024, với tổng số tiền là 131.317.799đ (*Một trăm ba mươi một triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng*); trong đó dư nợ gốc thẻ là 84.214.416đ, lãi trong hạn là 29.440.756đ, lãi quá hạn là 16.259.150đ và lãi chậm trả lãi là 1.403.477đ. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.4. Buộc bà Đoàn Thị N1 có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần D (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/9/2022 tính đến ngày 23/9/2024, với tổng số tiền là 123.519.264đ (*Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*); trong đó dư nợ gốc thẻ là 61.255.228đ, lãi trong hạn là 46.888.308đ, lãi quá hạn là 13.140.505đ và lãi chậm trả lãi là 2.235.223đ. Buộc bà Đoàn Thị N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.5. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần D về việc cho bà Đoàn Thị N1 thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 24/9/2024 cho đến ngày 24/12/2024.

1.6. Trường hợp sau thời gian 03 tháng (tính từ ngày 24/9/2024 cho đến ngày 24/12/2024), bà Đoàn Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần D thì Công ty Cổ phần D có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 24867/21MN/HĐBD ngày 14/9/2021 tại Văn phòng C, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/9/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 24867/21MN/HĐBD/PL01 ngày 07/7/2023, gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích 418m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền với đất loại nhà ở riêng lẻ, diện tích sàn 89,6m², diện tích xây dựng 56,9m², hình thức sở hữu riêng, cấp hạng 4; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.909,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 584, tờ bản đồ số 15, diện tích 300m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đoàn Thị N1.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.619.000đ (Năm mươi ba triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000937 ngày 22/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đoàn Thị N1.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm về chi phí tố tụng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi cục THA huyện Long Hồ;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Dân sự; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà